

PHƯƠNG ÁN DẠY KHTN KHỐI 8

Phương án song song

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng
Lý	2	2	2	2	2	2	2	2	1KT	1	1	1	1	1	1	1	1	1 ÔT	24
Hóa	1	1	1	1	1	1	1	1	1D, 1KT	2	2	2	2	2	2	2	2	1 ÔT, 1D	24
Sinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1 ÔT	2KT	16
																			64

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: KHTN 8

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1. Sử dụng một số hóa chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm		2 (0,5 đ)								2	0,5
2. Khái quát về cơ thể người.		1 (0,25 đ)								1	0,25
3. Hệ vận động ở người		1 (0,25 đ)	$\frac{1}{2}$ (1,0 đ)		$\frac{1}{2}$ (0,5 đ)				1	1	1,75
4. Lực có thể làm quay vật		1 (0,25 đ)								1	0,25
5.Đòn bẩy và ứng dụng		2 (0,5 đ)		1 (0,25 đ)						3	0,75
6. Khái niệm khối lượng riêng.		2 (0,5 đ)		1 (0,25 đ)	1 (1,5 đ)				1	3	2,25

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
Đo khối lượng riêng											
7. Áp suất trên bề mặt	1 (0,5đ)	1 (0,25 đ)			1 (1,0 đ)				2	1	1,75
8. Phản ứng hoá học		3 (0,75 đ)	1 (0,5 đ)						1	3	1,25
9. Mol và tỉ khối chất khí		1 (0,25 đ)	1 (1,0 đ)						1	1	1,25
Số câu	1	14	2,5	2	2,5				6	16	22
Điểm số	0,5	3,5 đ	2,5 đ	0,5 đ	3,0 đ				6,0 đ	4,0 đ	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm				22 câu		10,0 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025, MÔN: KHTN 8

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/ Số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Sử dụng một số hóa chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	Nhận biết	- Nhận biết được một số dụng cụ, hoá chất và các thiết bị điện sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8.		2		C1, C2
2. Khái quát về cơ thể người	Nhận biết	- Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.		1		C3
3. Hệ vận động ở người	Nhận biết	- Nêu được chức năng của hệ vận động ở người.		1		C4
	Thông hiểu	- Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khỏe học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống).	½		C17.a	
	Vận dụng	- Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.	½		C17.b	
4. Lực có thể làm quay vật	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về chuyển động quay của một vật rắn quanh một trục cố định.		1		C7
5. Đòn bẩy và ứng dụng	Nhận biết	- Mô tả cấu tạo của đòn bẩy.		1		C6
		- Nêu được khi sử dụng đòn bẩy sẽ làm thay đổi lực tác dụng lên vật.		1		C9

	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ thực tế trong lao động sản xuất trong việc sử dụng đòn bẩy và chỉ ra được nguyên nhân sử dụng đòn bẩy đúng cách sẽ giúp giảm sức người và ngược lại. - Nêu được tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.		1		C11
6. Khái niệm khối lượng riêng. Đo khối lượng riêng	Nhận biết	- Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, - Kể tên được một số đơn vị khối lượng riêng của một chất: kg/m^3; g/m^3; g/cm^3; ...		1 1		C10 C5
	Thông hiểu	- Viết được công thức: $D = m/V$; trong đó d là khối lượng riêng của một chất, đơn vị là kg/m^3; m là khối lượng của vật [kg]; V là thể tích của vật [m^3]. - Mô tả được các bước tiến hành thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một vật hình hộp chữ nhật (hoặc của một lượng chất lỏng hoặc là một vật hình dạng bất kì nhưng có kích thước không lớn)		1		C12
	Vận dụng	- Vận dụng được công thức tính khối lượng riêng của một chất khi biết khối lượng và thể tích của vật. Hoặc bài toán cho biết hai đại lượng trong công thức và tính đại lượng còn lại. - Tiến hành được thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật hay của một vật có hình dạng bất kì hoặc là của một lượng chất lỏng nào đó. - Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng.	1 1		C20.a C20.b	

7. Áp suất trên bề mặt	Nhận biết	- Phát biểu được khái niệm về áp suất. - Kể tên được một số đơn vị đo áp suất: N/m²; Pascan (Pa)	1	1	C18	C8
	Vận dụng	Giải thích được một số ứng dụng của việc tăng áp suất hay giảm áp suất để tạo ra các thiết bị kỹ thuật, vật dụng sinh hoạt nhằm phục vụ lao động sản xuất và sinh hoạt của con người.	1		C19	
8. Phản ứng hoá học	Nhận biết	- Nêu được khái niệm, đưa ra được ví dụ minh họa và phân biệt được biến đổi vật lý, biến đổi hoá học. Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. - Nêu được khái niệm, đưa ra được ví dụ minh họa về phản ứng tỏa nhiệt, thu nhiệt và trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng tỏa nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu).		2 1		C13,16 C15
	Thông hiểu	Phân biệt được sự biến đổi vật lý, biến đổi hoá học.	1		C21	
9. Mol và tỉ khối chất khí	Nhận biết	- Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25°C. - Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử)		1		C14
	Thông hiểu	So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tỉ khối.	1		C22	

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) (Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài).

Câu 1. Thiết bị nào sau đây là thiết bị sử dụng điện?

- A. Pin. B. Cầu chì. C. Diode phát quang. D. Công tắc.

Câu 2. Để đo hiệu điện thế giữa hai đầu một thiết bị sử dụng điện thì cần sử dụng thiết bị nào sau đây?

- A. Voltmeter (vôn kế). B. Ammeter (ampe kế).
C. Huyết áp kế. D. Nhiệt kế.

Câu 3. Trong cơ thể người, ngoài hệ thần kinh và hệ nội tiết thì hệ cơ quan nào có mối liên hệ trực tiếp với các hệ cơ quan còn lại?

- A. Hệ hô hấp. B. Hệ bài tiết. C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ tuần hoàn.

Câu 4. Hệ vận động có vai trò

- A. nâng đỡ cơ thể, bảo vệ các cơ quan.
B. nâng đỡ cơ thể, bảo vệ các cơ quan, giúp cơ thể vận động.
C. giúp cơ thể vận động, bảo vệ các cơ quan.
D. bảo vệ các cơ quan.

Câu 5. Đơn vị thường dùng để đo khối lượng riêng của một chất

- A. kg. B. kg/m³. C. m³. D. g/cm².

Câu 6. Đòn bẩy là

- A. một thanh cứng có thể quay quanh một trục xác định gọi là điểm tựa.
B. một khối khí chuyển động xung quanh điểm tựa.
C. một thanh kim loại chuyển động quanh lực tác dụng.
D. một thanh làm bằng gỗ có thể tự chuyển động.

Câu 7. Tình huống nào sau đây **không** làm quay vật?

- A. Dùng tay đẩy cánh cửa. B. Hai em nhỏ đang chơi bập bênh.
C. Nước chảy từ trên xuống. D. Người thợ mộc dùng búa nhỏ đinh.

Câu 8. Trong các đơn vị sau đơn vị nào là đơn vị đo áp suất?

- A. Pa. B. N.m². C. N. D. N/m³.

Câu 9. Khi chịu tác dụng lực làm quay, đòn bẩy có thể làm

- A. biến dạng vật. B. thay đổi hướng tác dụng của lực.
C. vật quay liên tục. D. vật đứng yên.

Câu 10. Khối lượng riêng của một chất cho ta biết

- A. vật đó nặng bao nhiêu cân.
B. vật đó dài bao nhiêu mét.
C. khối lượng trên một đơn vị thể tích chất đó.
D. trọng lượng trên một đơn vị thể tích chất đó.

Câu 11. Moment lực tác dụng lên vật là đại lượng

- A. luôn có giá trị dương. B. đặc trưng cho độ mạnh hay yếu của lực.
C. để xác định độ lớn của lực tác dụng. D. đặc trưng cho tác dụng làm quay vật của lực.

Câu 12. Công thức tính khối lượng riêng là

A. $D = \frac{F}{S}$

B. $D = \frac{A}{S}$

C. $D = \frac{V}{M}$

D. $D = \frac{m}{V}$

Câu 13. Biến đổi nào sau đây **không** phải là biến đổi vật lí?

A. Quá trình nóng chảy.

B. Quá trình đốt cháy nhiên liệu.

C. Quá trình chuyển trạng thái của chất.

D. Quá trình hòa tan.

Câu 14. Số Avogadro có giá trị bằng bao nhiêu và kí hiệu là gì?

A. $6,022 \cdot 10^{23}$ kí hiệu là N_A .

B. $6,022 \cdot 10^{22}$ kí hiệu là N_A .

C. $6,022 \cdot 10^{23}$ kí hiệu là N.

D. $6,022 \cdot 10^{22}$ kí hiệu là N.

Câu 15. Phản ứng tỏa nhiệt là phản ứng

A. giải phóng năng lượng (dạng nhiệt) ra môi trường xung quanh.

B. hấp thụ năng lượng (dạng nhiệt) trong suốt quá trình phản ứng xảy ra.

C. giải phóng năng lượng điện ra môi trường xung quanh.

D. phân hủy cần dùng đến năng lượng nhiệt.

Câu 16. Đốt cháy khí gas tạo thành khí carbon dioxide và nước. Chất tham gia phản ứng là

A. khí gas.

B. carbon dioxide.

C. nước.

D. nhiệt.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17. (1,5 điểm)

a. (1,0 điểm) Em hãy nêu nguyên nhân và biện pháp phòng tránh tật cong vẹo cột sống?

b. (0,5 điểm) Quan sát hình sau, hãy cho biết tay ở tư thế nào có khả năng chịu tải tốt hơn? Giải thích?



Hình 31.2 Tư thế co, duỗi tay

Câu 18. (0,5 điểm) Phát biểu khái niệm áp suất.

Câu 19. (1,0 điểm) Một người làm vườn cần đóng một chiếc cọc xuống đất. Hãy đề xuất phương án để có thể đóng được chiếc cọc xuống đất một cách dễ dàng. Giải thích.

Câu 20. (1,5 điểm)

a/ (1,0 điểm) Một khối đá dùng để xây kim tự tháp Ai cập có dạng hình lập phương cạnh dài 1,2 m có khối lượng 6,048 tấn. Tính khối lượng riêng của loại đá đó?

b/ (0,5 điểm) Nêu các bước xác định khối lượng riêng của hòn đá. Cho dụng cụ gồm: Cân, bình chia độ.

Câu 21. (0,5 điểm) Trong các quá trình dưới đây, cho biết: đâu là hiện tượng hóa học. Giải thích?

a) Sulfur cháy trong không khí tạo ra chất khí mùi hắc (khí sulfur dioxide).

b) Thủy tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu.

c) Trong lò nung đá vôi, calcium carbonate dưới tác dụng của nhiệt bị chuyển thành vôi sống (calcium oxide) và khí carbon dioxide thoát ra ngoài.

d) Cồn để trong lọ không kín bị bay hơi.

Câu 22. (1,0 điểm) Khí nitrogen (N_2) nặng hay nhẹ hơn không khí bao nhiêu lần?

----- Hết -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: B

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) (Lựa chọn 01 đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài).

Câu 1: Dụng cụ nào sau đây dùng để đo lường thể tích của dung dịch?

- A. Ống đong. B. Phễu lọc. C. Lọ đựng hóa chất. D. Chén nung.

Câu 2: Thiết bị nào sau đây là thiết bị đo điện?

- A. Pin. B. Cầu chì. C. Ampe kế. D. Công tắc.

Câu 3: Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người?

- A. Hệ bài tiết. B. Hệ tuần hoàn.
C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ hô hấp.

Câu 4: Hệ vận động **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Nâng đỡ cơ thể. B. Giúp cơ thể vận động.
C. Bảo vệ các cơ quan. D. Giúp cơ thể thu nhận âm thanh.

Câu 5: Đơn vị thường dùng để đo khối lượng riêng của một chất?

- A. kg. B. g/cm³. C. m³. D. g/cm².

Câu 6: Đòn bẩy là

- A. một khối khí chuyển động xung quanh điểm tựa.
B. một thanh kim loại chuyển động quanh lực tác dụng.
C. một thanh làm bằng gỗ có thể tự chuyển động.
D. một thanh cứng có thể quay quanh một trục xác định gọi là điểm tựa.

Câu 7: Việc làm nào dưới đây có thể làm quay vật?

- A. Dùng tay đẩy cánh cửa. B. Bóng đèn treo trên trần nhà.
C. Vận động viên đang trượt tuyết. D. Nước chảy từ trên xuống.

Câu 8: Trong các đơn vị sau đơn vị nào là đơn vị đo áp suất?

- A. N/m². B. N.m². C. N. D. N/m³

Câu 9: Khi chịu tác dụng lực làm quay, đòn bẩy có thể làm

- A. biến dạng vật. B. thay đổi độ lớn của lực tác dụng.
C. vật quay liên tục. D. Vật đứng yên.

Câu 10: Khối lượng riêng của một vật liệu đơn chất cho ta biết

- A. khối lượng của vật đó.
B. thể tích của vật đó.
C. trọng lượng trên một đơn vị thể tích chất đó.
D. khối lượng trên một đơn vị thể tích chất đó.

Câu 11: Đại lượng đặc trưng cho tác dụng làm quay vật của lực là

- A. áp suất. B. khối lượng riêng. C. moment lực. D. trọng lượng riêng.

Câu 12: Công thức tính khối lượng riêng là

- A. $D = \frac{S}{F}$ B. $D = \frac{A}{S}$ C. $D = \frac{m}{V}$ D. $p = \frac{D}{V}$

Câu 13. Chất mới được tạo thành trong phản ứng hoá học được gọi là

- A. chất tham gia. B. chất phản ứng. C. chất dư. D. chất sản phẩm.

Câu 14. Ở điều kiện chuẩn, 1 mol khí bất kì chiếm thể tích bao nhiêu?

- A. 24,97 L. B. 27,94 L. C. 24,79 L. D. 27,49 L.

Câu 15. Ứng dụng nào sau đây **không** phải của phản ứng tỏa nhiệt?

- A. Cung cấp năng lượng cho sinh hoạt và sản xuất.
B. Hấp thụ năng lượng để sản xuất các chất quan trọng.
C. Cung cấp năng lượng vận hành động cơ.
D. Cung cấp năng lượng cho các phương tiện giao thông.

Câu 16. Đốt cháy khí methane tạo thành khí carbon dioxide và hơi nước. Chất phản ứng là

- A. nước. B. carbon dioxide. C. methane. D. nhiệt.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17. (1,5 điểm)

- a. (1,0 điểm) Em hãy nêu nguyên nhân và tác hại của bệnh loãng xương?
b. (0,5 điểm) Trật khớp, dẫn dây chằng ảnh hưởng như thế nào đến hệ vận động?

Câu 18. (0,5 điểm) Phát biểu khái niệm áp suất.

Câu 19. (1,0 điểm) Hãy giải thích tại sao mũi đinh thì cần phải nhọn còn chân ghế thì lại không.

Câu 20. (1,5 điểm)

- a. (1,0 điểm) Một vật có dạng hình lập cạnh dài 20 cm có khối lượng 5kg. Tính khối lượng riêng của vật đó?
b. (0,5 điểm) Nêu các bước xác định khối lượng riêng của quả trứng. Cho dụng cụ gồm: cân, bình chia độ.

Câu 21. (0,5 điểm) Trong số những quá trình dưới đây, cho biết: đâu là hiện tượng vật lí. Giải thích?

- a. Sulfur cháy trong không khí tạo ra chất khí mùi hắc (khí sulfur dioxide).
b. Thủy tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu.
c. Trong lò nung đá vôi, calcium carbonate dưới tác dụng của nhiệt bị chuyển thành vôi sống (calcium oxide) và khí carbon dioxide thoát ra ngoài.
d. Cồn để trong lọ không kín bị bay hơi.

Câu 22. (1,0 điểm) Khí carbon dioxide (CO_2) nặng hay nhẹ hơn không khí bao nhiêu lần?

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: KHTN 8 – NĂM HỌC: 2024 -2025

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	A	D	B	B	A	C	A	B	C	D	D	B	A	A	A

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1	a. - Nguyên nhân: Do tư thế hoạt động không đúng trong thời gian dài, mang vác vật nặng thường xuyên, do tai nạn hay còi xương.	0,5
	- Biện pháp phòng tránh tật cong vẹo cột sống: + Duy trì chế độ ăn đủ chất và cân đối, bổ sung vitamin và khoáng chất thiết yếu.	0,125
	+ Đi, đứng, ngồi đúng tư thế, hạn chế mang vác vật nặng.	0,125
	+ Tránh những thói quen ảnh hưởng không tốt đến hệ vận động.	0,125
	+ Thường xuyên rèn luyện thể dục, thể thao, vận động vừa sức và đúng cách.	0,125
	b. Tay ở tư thế co có khả năng chịu tải tốt hơn. Vì khi tay ở tư thế co, khớp xương tạo nên điểm tựa, sự co cơ tạo nên lực kéo giúp nâng sức chịu tải của tay.	0,5
18	Áp suất là độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép	0,5
19	- Phương án để có thể đóng được chiếc cọc xuống đất một cách dễ dàng: Ta vót nhọn đầu chiếc cọc cắm xuống đất và sử dụng búa lớn đập vuông góc vào đầu còn lại của chiếc cọc.	0,5
	- Cách làm trên giúp đóng cọc xuống đất được dễ dàng do ta đã làm tăng áp lực và giảm diện tích bề mặt bị ép sẽ giúp áp suất của chiếc cọc tác dụng xuống đất được tăng lên nhiều lần.	0,5
20	a. Tóm tắt: $m = 6,048 \text{ tấn} = 6048 \text{ kg}$ $a = 1,2 \text{ m}$ $D = ?$	
	Hướng dẫn giải: Thể tích của khối đá đó là: $V = a^3 = 1,2^3 = 1,728 \text{ (m}^3\text{)}$	0,5
	Khối lượng riêng của loại đá đó là:	0,5

	$D = m/V = 6048/1,728$ $= 3500 \text{ (kg/m}^3\text{)}$ Kết luận: KLR của vật đó là 3500 (kg/m³)	
	b. + Xác định khối lượng m của hòn đá bằng cân + Xác định thể tích V quả trứng bằng bình chia độ + Tính khối lượng riêng theo công thức: $D = \frac{m}{V}$	0,125 0,125 0,25
21	a. Hiện tượng hóa học vì có chất mới (khí sulfur dioxide) tạo thành c. Hiện tượng hóa học vì có chất mới (calcium oxide và khí carbon dioxide) tạo thành	0,25 0,25
22	Tỉ khối của khí N ₂ đối với không khí: $d_{N_2/KK} = \frac{M_{N_2}}{M_{KK}} = \frac{28}{29} \approx 0,97$ Vậy khí N₂ nhẹ hơn không khí khoảng 0,97 lần.	0,5 0,5

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	C	B	D	D	D	A	A	B	D	C	C	D	C	D	C

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1	a. - Nguyên nhân: Do cơ thể thiếu calcium và phosphorus sẽ thiếu nguyên liệu kiến tạo xương nên mật độ chất khoáng thưa dần, tuổi cao. - Tác hại của bệnh loãng xương: Do mật độ chất khoáng trong xương thưa dần, xương của người mắc bệnh loãng xương bị giòn, dễ gãy hơn. Do đó, khi bị chấn thương, người mắc bệnh loãng xương có nguy cơ gãy xương cao hơn người không mắc bệnh. Ngoài ra, bệnh loãng xương làm suy giảm khả năng vận động, tăng nguy cơ mắc các biến chứng tim mạch, hô hấp,...	0,5 0,5
	b. Trật khớp, dẫn dây chằng,... sẽ làm cho khớp xương bị ảnh hưởng. Mà khớp xương chính là điểm tựa nâng đỡ để tạo nên sự vận động. Do đó, khi bị trật khớp, dẫn dây chằng,... sẽ gây đau đớn và ảnh hưởng đến chức năng vận động, định hình cơ thể của hệ vận động.	0,5
18	Áp suất là độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép.	0,5
19	Khi đóng đinh ta cần áp suất lớn để đưa đinh ngập sâu vào vật cần đóng đinh, nên mũi đinh cần phải nhọn (diện tích bị ép nhỏ) để tăng áp suất.	0,5 0,5

	Chân ghế nếu nhọn dẫn đến áp suất lớn làm lún, hỏng sàn nhà nên chân ghế không được làm nhọn.		
20	a.	Hướng dẫn giải:	
	Tóm tắt:	Thể tích của khối đá đó là:	0,5
	m = 5 kg	V = a ³ = 0,2 ³ = 0,008 (m ³)	
	a = 20 cm = 0,2m	Khối lượng riêng của vật đó	
	D =?	$D = \frac{M}{V} = \frac{5}{0,008} = 625(\text{kg/m}^3)$	0,5
	Kết luận: KLR của vật đó là 625 (kg/m ³)		
	b. + Xác định khối lượng m quả trứng bằng cân	0,125	
	+ Xác định thể tích V quả trứng bằng bình chia độ	0,125	
	+ Tính khối lượng riêng theo công thức: $D = \frac{m}{V}$	0,25	
21	b. Hiện tượng vật lí vì chỉ có sự thay đổi trạng thái của thủy tinh.	0,25	
	d. Hiện tượng vật lí vì có sự thay đổi về trạng thái của cồn.	0,25	
22	Tỉ khối của khí carbon dioxide đối với không khí:	0,5	
	$d_{\text{CO}_2/\text{KK}} = \frac{M_{\text{CO}_2}}{M_{\text{kk}}} = \frac{44}{29} \approx 1,52$	0,5	
	Vậy khí carbon dioxide nặng hơn không khí khoảng 1,52 lần.		
